

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14/10/2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vũ
2. Bà Lê Thị Hồng Nhan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M: Ông Thạch Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 74/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 12/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Châu Huỳnh N, sinh năm 1993 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Lê Văn P, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2021 và các lời trình khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Châu Huỳnh N trình bày: Trên cơ sở quen biết nhau trước, chị và anh Lê Văn P tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh B vào ngày 12/12/2012. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến vài năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Phong thường xuyên đi nhậu về đánh đập chị và ghen tuông vô cớ,

vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn tình cảm với anh P được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn P. Về con chung: Chị N trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung tên Lê Trần Bảo N, sinh ngày 25/10/2012 và Lê Thiên P, sinh ngày 14/5/2017, hiện hai con đang sống chung với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được hai con và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi mỗi người con là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con chung tròn 18 tuổi. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị N trình bày tài sản chung, nợ chung không có. Vì bận đi làm nên chị xin vắng mặt trong những lần Tòa án mời.

Bị đơn anh Lê Văn P vắng mặt vào những lần Tòa án mời nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật từ khi thụ lý đến xét xử; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình cụ thể vắng mặt vào các lần Tòa án mời; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Châu Huỳnh N; Về con chung: chị Trần Châu Huỳnh N được trực tiếp nuôi hai con chung tên Lê Trần Bảo N, sinh ngày 25/10/2012 (phù hợp với nguyện vọng của cháu N tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên đề ngày 09/4/2021) và Lê Thiên P, sinh ngày 14/5/2017, hiện hai con đang sống chung với chị N, anh Lê Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 11/2021 cho đến khi hai con chung tròn 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng mỗi tháng cấp một lần. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Trần Châu Huỳnh N trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn Lê Văn P có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện M nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Châu Huỳnh N đối với anh Lê Văn P, thấy rằng: Về hôn nhân: Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện,

có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị N cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh P thường xuyên đi nhậu về đánh đập chị và ghen tuông vô cớ nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay. Phía anh P được Tòa án mời nhiều lần tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N nhưng anh không đến, trong khoảng thời gian sống ly thân đến nay cả anh và chị N đều không có giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngày 23/6/2021 Tòa án thông báo yêu cầu anh P có văn bản thể hiện ý kiến của mình về việc chấp nhận hay không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N nhưng anh P vẫn không thể hiện ý kiến, quan điểm của mình. Từ những lập luận trên nghĩ rằng hôn nhân của anh chị xuất phát từ những mâu thuẫn nhỏ về tình cảm nhưng do anh chị không cố gắng khắc phục hạn chế của bản thân, không có giải pháp hữu hiệu để dung hòa tình cảm giữa vợ chồng nên đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ.

Xét yêu cầu xin nuôi con của chị N thấy rằng: Hiện cháu N và P đang sống chung với chị N, chị N cũng có nguyện vọng được nuôi hai người con sau khi chị và anh P ly hôn. Phía anh P không có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nên để cuộc sống của các cháu không bị xáo trộn khi cha mẹ ly hôn nên việc để chị N tiếp tục nuôi cháu N và P là phù hợp và đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N là được sống chung với mẹ nếu cha và mẹ ly hôn nên được chấp nhận. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N thấy rằng: Cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong trường hợp không sống chung với con. Bên cạnh đó, anh P cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh khả năng, thu nhập thực tế của anh không có đủ điều kiện cấp dưỡng nuôi hai người con chung theo yêu cầu của chị N. Do đó, căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của trẻ nhỏ bao gồm các chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng, học hành nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 110, 116, 117, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình buộc anh P phải có nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục cho mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp.

Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Trần Châu Huỳnh N trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Trần Châu Huỳnh N phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Châu Huỳnh N.

Chị Trần Châu Huỳnh N được ly hôn với anh Lê Văn P.

[2] *Về con chung*: Chị Trần Châu Huỳnh N trực tiếp nuôi con chung tên Lê Trần Bảo N, sinh ngày 25/10/2012 và Lê Thiên P, sinh ngày 14/5/2017, hiện hai con đang sống chung với chị N, anh Lê Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 11/2021 cho đến khi hai con chung tròn 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng mỗi tháng cấp một lần.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] *Về chia tài sản khi ly hôn*: Chị Trần Châu Huỳnh N trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

[4] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Trần Châu Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số

0006163 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh B nên không còn phải nộp thêm.

Buộc anh Lê Văn P phải chịu án phí cấp dưỡng với số tiền là 300.000 đồng.

[5] *Về quyền kháng cáo và thi hành án:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi Cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã T, số 96, quyển số 01, ngày 12/12/2012 (1b);
- Lưu:Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Nhó